

KHẢO SÁT HÀNH VI VỀ VỆ SINH PHỤ NỮ VỚI TÌNH TRẠNG VIÊM ÂM ĐẠO TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA CẦN THƠ

LÂM ĐỨC TÂM,
NGUYỄN THỊ HUỆ

TÓM TẮT:

Nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 383 phụ nữ đến khám vì ra khí hư nhiều tại phòng khám phụ khoa bệnh viện Đa khoa Cần Thơ cho thấy Tỷ lệ viêm âm đạo chung 37,1% trong đó nhiễm khuẩn do *Gardnerella vaginalis* 12,3%, *Trichomonas* 7,8%, nấm *Candida* 1,3%. Về hành vi trong vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo, ghi nhận phụ nữ có hành vi vệ sinh không tốt thì tỷ lệ viêm âm đạo cao hơn gấp 2 lần so với phụ nữ có hành vi vệ sinh phụ nữ tốt.

Từ khóa: phụ nữ, viêm âm đạo

SUMMARY

A cross sectional study on 383 outpatients at Cantho General Hospital shows that The prevalence of vaginitis is 37,1%, *Trichomonas* 7,8 %, *Candida albicans* 1,3 %, *Gardnerella vaginalis* 12,3%. The women has not good skill who has a double vaginitis.

Keywords: women, vaginitis

ĐẶT VẤN ĐỀ:

Nhiễm khuẩn sinh dục hiện nay đang là một vấn đề bức xúc về chăm sóc sức khỏe sinh sản trong cộng đồng, không chỉ riêng cho Việt nam mà còn cho toàn thế giới bởi sự gia tăng về tần suất, sự liên quan mật thiết với các bệnh lây truyền qua đường tình dục và có thể để lại các di chứng lâu dài như gây vô sinh, tăng nguy cơ thai ngoài tử cung hoặc đau vùng chậu mãn tính dai dẳng nếu không được phát hiện sớm và điều trị kịp thời.

Trong các bệnh lý nhiễm khuẩn đường sinh dục dưới ở phụ nữ ở độ tuổi sinh sản: 90% trường hợp viêm âm đạo là do 3 tác nhân: nấm *Candida*, trùng roi *Trichomonas vaginalis* và nhiễm khuẩn âm đạo (*Bacterial vaginosis*). Ước tính, thế giới có khoảng 180 triệu phụ nữ mắc *Trichomonas vaginalis*, từ 10% đến 50% phụ nữ trong độ tuổi sinh sản và 20% phụ nữ mang thai bị nhiễm khuẩn âm đạo, trong đó 25% đến 50% có thể không có triệu chứng và trung bình 75% phụ nữ đã từng bị viêm âm đạo do nấm *Candida*.

Theo Marin MG và cộng sự cho rằng tỷ lệ bệnh nhiễm khuẩn sinh dục xuất hiện tăng hay giảm có liên quan đến yếu tố tình dục và hành vi sai lệch. Tại Việt Nam theo Trần Thị Lợi[7] ghi nhận những phụ nữ có thói quen rửa âm hộ, âm đạo bằng các dung dịch sát khuẩn và tiền căn tự ý đặt thuốc âm đạo không lý do đều có tỉ lệ mắc bệnh cao. Việc chẩn đoán nhiễm khuẩn âm đạo tương đối đơn giản, dễ thực hiện ở các phòng khám phụ khoa. Do đó, chúng tôi thực hiện đề tài này nhằm xác định tỷ lệ viêm âm đạo theo từng tác nhân gây bệnh và những yếu tố liên quan trong số phụ nữ đến khám phụ khoa tại Bệnh viện Đa khoa Cần Thơ, với mong muốn góp phần nâng cao sức khỏe phụ nữ, mang lại hiệu quả thiết thực cho việc phòng ngừa bệnh nhằm có thể tránh được những di chứng xấu trong tương lai, với các mục tiêu sau:

1. Xác định tỷ lệ viêm âm đạo theo từng tác nhân gây bệnh.

2. Đánh giá mối liên quan giữa hành vi vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Trong thời gian từ 1/10/2002 đến 1/6/2003, chúng tôi tiến hành nghiên cứu cắt ngang mô tả trên 383 bệnh nhân đến khám vì có khí hư nhiều tại phòng khám phụ khoa Bệnh viện Đa khoa Cần thơ

Tiêu chuẩn chọn bệnh: Tuổi từ 18– 50, đã có quan hệ tình dục và đồng ý tham gia nghiên cứu

Tiêu chuẩn loại trừ: phụ nữ đang hành kinh hoặc ra huyết âm đạo bất thường, đặt thuốc hay thụ rửa âm đạo trong vòng 1 tuần trước đó, đang dùng thuốc ngừa thai, đang dùng thuốc ngừa thai, kháng sinh, hoặc sử dụng corticoid kéo dài

Sơ đồ nghiên cứu:

Phụ nữ đến khám (Thoả mãn điều kiện chọn mẫu)

Các số liệu được thu thập thông qua phiếu thu thập số liệu và bảng câu hỏi. Sau khi thu thập, số liệu được lọc lại và mã hóa để định lượng hay định tính và phân tích bằng chương trình thống kê vi tính ứng dụng SPSS; Kết quả được trình bày thông qua bảng phân phối tần số và các biến số được thu thập qua bảng câu hỏi. Chương trình xử lý số liệu là phần mềm SPSS for windows.

KẾT QUẢ

1 Tỷ lệ viêm âm đạo

Tỷ lệ viêm âm đạo theo các nguyên nhân: Trong 383 người được khám và nhận vào nghiên cứu có 142 bệnh nhân được chẩn đoán là viêm âm đạo chiếm tỷ lệ 37,1% (khoảng tin cậy 95%: 34,2%- 42,5%), trong đó nhiễm *Gardnerella* 12,3%, *Trichomonas* 7,8%, nấm *Candida* 1,3%.

Bảng 1: Tác nhân gây viêm âm đạo

| Tình trạng viêm âm đạo | Tần số | Tỷ lệ (%) |
|---|--------|-----------|
| Viêm âm đạo | 142 | 37,1 |
| Nhiễm khuẩn âm đạo (Bacterial Vaginosis) | 47 | 12,3 |
| Nhiễm nấm <i>Candida</i> (sợi tơ nấm giả) | 5 | 1,3 |
| Nhiễm <i>Trichomonas vaginalis</i> | 30 | 7,8 |

2. Liên quan về hành vi vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo

Bảng 2: Liên quan về hành vi vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo

| Hành vi | Có | | không | |
|--|--------|------|--------|------|
| | Tần số | % | Tần số | % |
| Thụt rửa âm đạo hằng ngày bằng các dung dịch phụ nữ | 222 | 58,0 | 161 | 42,0 |
| Thời gian hành kinh nên thường thay đồ lót | 197 | 51,4 | 186 | 48,6 |
| Sử dụng nguồn nước (nước chín, nước máy, lãng phèn, dung dịch có sẵn) để vệ sinh phụ nữ | 265 | 69,2 | 118 | 30,8 |
| Khi có huyết trắng nhiều và hôi, thường mua thuốc đặt phụ khoa về đặt | 179 | 46,7 | 204 | 53,3 |
| Khi có huyết trắng nhiều và hôi, thường thụt rửa âm đạo | 167 | 43,6 | 216 | 56,4 |
| Khi tiết dịch âm đạo ra nhiều, thường xuyên thay đồ lót | 215 | 56,1 | 168 | 43,9 |
| Quan hệ tình dục trong thời gian hành kinh | 274 | 71,5 | 109 | 28,5 |
| Vệ sinh (rửa) sau đi tiểu | 120 | 31,3 | 263 | 68,7 |
| Vệ sinh (rửa) sau giao hợp | 190 | 49,6 | 193 | 50,4 |
| Giao hợp đang mắc các bệnh lây lan qua đường tình dục | 297 | 77,5 | 86 | 22,5 |
| Điều trị cùng bạn tình khi mắc bệnh | 82 | 21,4 | 301 | 78,6 |
| Khi nghi ngờ chồng (bạn tình) bị bệnh lây lan qua giao hợp, khuyên chồng (bạn tình) sử dụng bao cao su | 103 | 26,9 | 280 | 73,1 |
| Điều trị bệnh phụ khoa theo nhân viên y tế | 241 | 62,9 | 142 | 37,1 |

Nhận xét: - 77,5% trường hợp có giao hợp khi mắc bệnh lây lan qua đường tình dục và 78,6% phụ nữ không điều trị bệnh cho người bạn tình. Có 73,1% không sử dụng bao cao su khi nghi ngờ chồng bị bệnh lây lan qua đường tình dục.

- 71,5% phụ nữ quan hệ tình dục khi đang hành kinh.
- Nhiều trường hợp không có hành vi vệ sinh sau khi đi tiểu hoặc sau giao hợp.

3. Mức độ hành vi và liên quan kiến thức vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo

Bảng 3: Liên quan hành vi vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo

| Mức độ kiến thức | Tần số (%) | Viêm âm đạo | | P |
|--|------------|-------------|------------|-------|
| | | Có (%) | Không (%) | |
| Tốt | 128 (33,4) | 38 (29,7) | 90 (70,3) | 0,045 |
| Không tốt | 255 (66,6) | 104 (40,8) | 151 (59,2) | |
| Điểm hành vi: 6,54 ± 2,07 (lớn nhất 11 và nhỏ nhất là 1) | | | | |

Nhận xét: chỉ có 29,7% phụ nữ có hành vi tốt; Mọi liên quan giữa hành vi với tình trạng viêm âm đạo: Phụ nữ có hành vi không tốt có tỉ lệ viêm âm đạo: 40,8% so với những phụ nữ có hành vi tốt- chiếm tỉ lệ 29,7%, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê → Phụ nữ có hành vi không tốt có tỉ lệ viêm âm đạo cao hơn.

4. Liên quan giữa kiến thức với tình trạng nhiễm khuẩn âm đạo

Bảng 4: Liên quan giữa kiến thức với tình trạng nhiễm khuẩn âm đạo

| Đặc điểm | | Nhiễm khuẩn âm đạo | | P |
|---|-------|--------------------|------------|-------|
| | | Có (%) | Không (%) | |
| Thụt rửa âm đạo khi có huyết trắng và hôi | Có | 15 (6,9) | 201 (93,1) | 0,001 |
| | Không | 32 (19,2) | 135 (80,8) | |
| Rửa âm hộ hằng ngày bằng dung dịch vệ sinh phụ nữ | Có | 9 (5,6) | 152 (94,4) | 0,001 |
| | Không | 38 (17,1) | 184 (82,9) | |
| Sử dụng nguồn nước đã xử lý để vệ sinh phụ nữ | Có | 28 (10,6) | 237 (89,4) | 0,175 |
| | Không | 19 (16,1) | 99 (83,9) | |
| Đặt thuốc âm đạo khi có huyết trắng nhiều và hôi | Có | 15 (7,4) | 189 (92,6) | 0,003 |
| | Không | 32 (17,9) | 147 (82,1) | |
| Rửa âm đạo sau đi tiểu | Có | 17 (14,2) | 103 (85,8) | 0,551 |
| | Không | 30 (11,4) | 233 (88,6) | |

| | | | | |
|--|----------------|-----------|------------|-------|
| Rửa âm hộ sau giao hợp | Có | 28 (14,7) | 162 (85,3) | 0,144 |
| | Không | 19 (9,8) | 174 (90,2) | |
| Điều trị bệnh phụ khoa theo nhân viên y tế | Nhân viên y tế | 44 (18,3) | 197 (81,7) | 0,001 |
| | Tự điều trị | 3 (2,1) | 139 (97,9) | |
| Nghi ngờ chồng bị bệnh lây lan qua giao hợp, khuyên chồng sử dụng bao cao su | Có | 1 (1,0) | 102 (99,0) | 0,001 |
| | Không | 46 (16,4) | 234 (83,6) | |

Nhận xét: có mối liên quan giữa nhiễm khuẩn âm đạo với hành vi như thụt rửa âm đạo khi có huyết trắng và hôi; Rửa âm hộ hằng ngày bằng dung dịch vệ sinh phụ nữ; Đặt thuốc âm đạo khi có huyết trắng nhiều và hôi; Điều trị bệnh phụ khoa theo nhân viên y tế; Nghi ngờ chồng bị bệnh lây lan qua giao hợp, khuyên chồng sử dụng bao cao su ($p < 0,05$) và không có liên quan giữa viêm âm đạo với hành vi rửa âm đạo sau đi tiểu; rửa âm hộ sau giao hợp và sử dụng nguồn nước đã xử lý để vệ sinh phụ nữ, với $p > 0,05$.

BÀN LUẬN:

1. Tỉ lệ viêm âm đạo:

là 37,1%. Trong đó, nhiễm khuẩn âm đạo là 12,3%; Nhiễm nấm *Candida* là 1,3% và 7,8% nhiễm *Trichomonas vaginalis*

Theo các tác giả trong và ngoài nước, tỉ lệ viêm âm đạo thay đổi như sau:

| Tác giả | Viêm âm đạo chung (%) | Nhiễm khuẩn âm đạo (%) | Nhiễm trichomonas (%) | Nhiễm nấm (%) |
|-----------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|---------------|
| Lê Hồng Cẩm[3] | 32,36 | 15,30 | 1,150 | 16,81 |
| Trần Thị Lợi[7] | | 25,70 | 9,80 | 20,50 |
| Nancy D. Sullivan[21] | | 33,00 | 15,40 | 25,40 |
| Mbizvo EM[20] | | 30,30 | 8,70 | 28,00 |
| Sullam SA[24] | | | 5- 10 | 30- 35 |
| The Merck[25] | 52,80 | 60,00 | 7,81 | 1,30 |
| NC của chúng tôi | 37,10 | 12,30 | | |

Kết quả của chúng tôi phù hợp với nghiên cứu Lê Hồng Cẩm (32,36% và 15,3%). So với kết quả nghiên cứu của Trần Thị Lợi, tỉ lệ nhiễm khuẩn âm đạo: 25,7% cao hơn kết quả của chúng tôi và các tác giả nước ngoài thay đổi từ 30% đến 60%

2. Sự liên giữa hành vi về vệ sinh phụ nữ với viêm âm đạo

Hành vi không tốt chiếm tỉ lệ viêm âm đạo khá cao (40,8%) so với phụ nữ có hành vi tốt bị viêm âm đạo là 29,7%; sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$. Việc sử dụng nguồn nước sạch để vệ sinh phụ nữ chiếm 69,2%, có 58% phụ nữ sử dụng dung dịch vệ sinh để rửa âm hộ- âm đạo; và khi nghi ngờ bị bệnh lý phụ khoa có 46,7% bệnh nhân tự mua thuốc đặt. Ghi nhận điều này cho thấy các phụ nữ có quan tâm đến vấn đề vệ sinh phụ nữ nhưng do thiếu kiến thức nên có những hành vi sai lệch. Vệ sinh phụ nữ là vấn đề đơn giản dễ thực hiện nhưng kết quả có 50,4% phụ nữ không vệ sinh sau giao hợp, 68,7% phụ nữ có hành vi không vệ sinh sau khi đi tiểu; 48,6% trường hợp không thay đồ lót khi đang trong giai đoạn hành kinh- đây là thời gian rất dễ bị nhiễm khuẩn nếu vệ sinh kém. Hành vi thụt rửa âm đạo là hành vi không đúng và là tai hại rất lớn đến môi trường âm đạo được bảo vệ bởi vi khuẩn có lợi Dorderlin. Vai trò của Dorderlin trong âm đạo là biến đổi glycogen của các tế bào biểu mô âm đạo thành acide lactic nhằm tạo môi trường pH từ 3,8 đến 4,8- đây là pH chỉ có Dorderlin mới tồn tại được và ngăn chặn sự phát triển của những vi khuẩn gây bệnh. Kết quả nghiên cứu này ghi nhận có mối liên quan giữa nhiễm khuẩn âm đạo với hành vi như thụt rửa âm đạo khi có huyết trắng và hôi; rửa âm hộ hằng ngày bằng dung dịch vệ sinh phụ nữ; đặt thuốc âm đạo khi có huyết trắng nhiều và hôi; điều trị bệnh phụ khoa theo nhân viên y tế; nghi ngờ chồng bị bệnh lây lan qua giao hợp, khuyên chồng sử dụng bao cao su ($p < 0,05$). Kết quả này cũng phù hợp với nghiên cứu trong và ngoài nước [4],[7],[8].

Hành vi phòng chống các bệnh lây lan qua đường tình dục là vấn đề cần quan tâm nhưng có 73,1% phụ nữ không sử dụng bao cao su khi họ nghi ngờ chồng mắc bệnh; 78,6% bệnh nhân không điều trị cùng bạn tình khi họ đang mắc bệnh này. Ngoài ra, chúng tôi nhận thấy khi sử dụng bao cao su có tỷ lệ viêm âm đạo thấp hơn và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê. Điều này cho thấy người phụ nữ có hành vi đúng trong quan hệ tình dục, hiểu biết cách tự bảo vệ bản thân phòng tránh bệnh lây nhiễm qua đường tình dục thì nguy cơ viêm âm đạo thấp hơn. Theo Hồ Ngọc Điệp sử dụng bao cao su để phòng các bệnh lây lan qua đường tình dục chưa được các phụ nữ chấp nhận do thiếu hiểu biết về nguy cơ mắc bệnh rất cao ở phụ nữ vị thành niên[4]. Kết quả của nghiên cứu này cũng phù hợp với nghiên cứu của Marin, M.G; King kết luận rằng tỷ lệ bệnh lây lan qua đường tình dục sẽ tăng hay giảm đều có liên quan đến yếu tố tình dục và hành vi sai lệch.

KẾT LUẬN

1. **Tỷ lệ tác nhân gây bệnh:** Tỷ lệ viêm âm đạo: 37,1% ; Nhiễm khuẩn âm đạo do vi khuẩn: 12,3%; Nhiễm *Trichomonas vaginalis*: 7,8%; Nấm *Candida*: 1,3%

2. **Các yếu tố liên quan giữa hành vi về vệ sinh phụ nữ với tình trạng viêm âm đạo:** thụt rửa âm đạo khi có huyết trắng và hôi; rửa âm hộ hằng ngày bằng dung dịch vệ sinh phụ nữ; đặt thuốc âm đạo khi có huyết trắng nhiều và hôi; điều trị bệnh phụ khoa theo nhân viên y tế; nghi ngờ chồng bị bệnh lây lan qua giao hợp, khuyên chồng sử dụng bao cao su và không có liên quan giữa viêm âm đạo với hành vi rửa âm đạo sau đi tiểu; rửa âm hộ sau giao hợp và sử dụng nguồn nước

đã xử lý để vệ sinh phụ nữ, với $p > 0,05$.

3. **Nguy cơ viêm âm đạo:** Phụ nữ có hành vi về vệ sinh phụ nữ không tốt thì tỉ lệ viêm âm đạo cũng cao hơn gấp 2 lần so với phụ nữ có hành vi tốt

KIẾN NGHỊ

Qua kết quả nghiên cứu có những đề xuất sau:

1. Đối các bà mẹ trẻ, cần có chương trình giáo dục kịp thời về vấn đề vệ sinh phụ nữ và biện pháp phòng tránh các bệnh lây qua đường tình dục (giáo dục trong thời gian nằm hậu sản, các phòng khám thai ...).

2. Đội ngũ chuyên trách về sức khỏe sinh sản cần hoạt động mạnh hơn nhằm quản lý, thông tin tuyên truyền giáo dục về sức khỏe sinh sản, tư vấn cho từng đối tượng.

3. Phối hợp đồng bộ các ban ngành: Đoàn thanh niên, y bác sĩ chuyên ngành, đẩy mạnh đào tạo đội ngũ bác sĩ gia đình, các phương tiện truyền thông,... nhằm tuyên truyền sâu rộng trong cộng đồng về vệ sinh phụ nữ và bệnh lây qua đường tình dục

4. Đưa chương trình giáo dục cụ thể về vấn đề vệ sinh phụ nữ, vấn đề quan hệ giới tính và bệnh lây qua đường tình dục giảng dạy ở nhà trường từ cấp II phù hợp với nhận thức và sự phát triển tâm sinh lý của lứa tuổi này. Từng bước đạt được mục tiêu kết hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ

Đối tượng phụ nữ trong độ tuổi < 35 cần được quan tâm nhất, vì họ liên quan đến vấn đề mang thai và sinh đẻ. Tình trạng nhiễm khuẩn phụ khoa khi xảy ra ở lứa tuổi này nếu không có ý thức tự bảo vệ tốt sẽ đưa đến những hậu quả xấu cũng như di chứng xấu về tương lai sản khoa. Họ cần được cung cấp thông tin về giáo dục sức khỏe sinh sản đầy đủ

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Đông An, (1996) "Viêm nhiễm cổ tử cung do *Chlamydia trachomatis* ở phụ nữ mang thai". Luận văn tốt nghiệp bác sĩ y khoa, Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ y tế.

2. Lê Hồng Cẩm, "Khảo sát tần suất viêm âm đạo, cổ tử cung ở phụ nữ từ 15- 49 tuổi, có gia đình tại huyện Hóc Môn", chuyên đề sản niện, y học TP HCM, số đặc biệt HNKHKT trường ĐHYD Tp HCM lần thứ 19, 13- 16

3. Lê Hồng Cẩm, (1997) "Tỷ lệ và triệu chứng nhiễm *Chlamydia trachomatis* ở 34 phụ nữ tại trung tâm cai nghiện ma túy Bình Triệu", *Tạp chí Y học Tp HCM*, tháng 1/1997

4. Hồ Ngọc Điệp, (1999), "Một số yếu tố dịch tễ và kiến thức về kế hoạch hóa gia đình của phụ nữ sanh đẻ tuổi vị thành niên", *Tạp chí Y học thành phố HCM*, tập 3, số 4.

5. Phạm Gia Đức, (1997), "Kiến thức thái độ thực hành sinh sản ở tuổi thiếu niên học sinh. Trao đổi chuyên môn Việt- Úc về sức khỏe phụ nữ và trẻ sơ sinh lần 2", tháng 6/1997

6. Nguyễn Văn Lơ, Trần Thị Trung Chiến, (2003), "Một số yếu tố hành vi nguy cơ nạo phá thai ở trẻ vị thành niên", *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, tháng 03/2003

7. Trần Thị Lợi, (2000), "Sơ bộ khảo sát tình hình nhiễm *Clamydia trachomatis* trong viêm sinh dục", *Tạp chí Y học thành phố Hồ Chí Minh*, tháng 01/2000

8. Nguyễn Ngọc Phương Tâm, (1997), "Tần suất bệnh lưu hành của các tác nhân gây nhiễm thông thường và các yếu tố kết hợp của viêm nhiễm âm đạo ở phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ tại xã Bà Điểm- Hóc Môn- TPHCM, 1997", Luận văn tốt nghiệp bác sĩ Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng cán bộ Y tế TPHCM